

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/DS-ST  
Ngày 26-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Nguyễn Văn Dạng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 05 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/04/2024, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày cho rằng trong năm 2023 âm lịch, bà Nguyễn Thị V có hỏi vay của ông nhiều lần với số tiền 175.000.000 đồng, lãi suất

1,66%/tháng, mục đích vay là để chi tiêu sinh hoạt, sử dụng chung gia đình, cụ thể: Lần đầu ngày 26/02/2023 vay số tiền 30.000.000 đồng; Lần thứ hai ngày 25/10/2023 vay số tiền 30.000.000 đồng; Lần thứ ba ngày 17/12/2023 vay số tiền 15.000.000 đồng; lần thứ tư, ngày 27/12/2023 vay số tiền 90.000.000 đồng và lần thứ năm ngày 29/12/2023 vay số tiền 10.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ được bà V hứa khoảng 2-3 tháng sau kể từ ngày vay và các lần giao tiền có làm biên nhận có chữ ký của bà V. Sau khi vay bà V đóng lãi cho ông đến tháng 12/2023 thì ngưng cho đến nay, quá hạn trả nợ nhưng bà V không trả tiền nợ gốc và lãi, ông đã nhiều lần yêu cầu bà V trả nợ như đã thỏa thuận nhưng bà V chỉ hứa không thực hiện. Theo đơn ông yêu cầu buộc vợ chồng ông T và bà V trả số tiền vay là 175.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Thực tế người vay tiền là bà V, khi vay bà V cũng yêu cầu ông giấu không cho ông T biết do bà V vay tiền dùm người khác và ông đồng ý nên ông rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T, giữ nguyên yêu cầu bà V trả tiền vay 175.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại tòa xác định yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của ông H là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nhưng bà V thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ không thông báo cho ông H biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đương sự đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn bà V và ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[2] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông H rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử

chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút trên của nguyên đơn.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả số tiền vay là 175.000.000 đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Ông H cung cấp tờ giấy viết tay có tiêu đề “chị T 2022” và yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bị đơn bà V trên giấy viết tay. Tại kết luận giám định số 155/KTTL-KTHS ngày 29/08/2024 của Phòng kỹ thuật công an hình sự tỉnh S kết luận chữ ký từ “Vân” sau dòng: “Chị toàn mượn = 15000.000. 17 . 12.1.2; Chị toàn mượn = 90.000.000-27-12-1-2-2-3; Chị toàn = 10000.000-29-12-1-2-2-3; Chị toàn = 30.000000.26-2-2023; Chị toàn mượn = 30.000.000 -25 - 10” có tiêu đề “Chị toàn 2022” trên tờ giấy kẻ ngang có kích thước (20 x 15)cm, (Ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị V trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu:M1,M2) do cùng một người ký ra. Tòa án đã thông báo kết quả giám định, bị đơn bà V không có văn bản phản đối nên có cơ sở xác định bà V vay tiền của ông H 05 lần, tổng cộng là 175.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...*”. Như vậy, bà V vay tiền không trả đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H về buộc bà V trả số tiền vốn vay 175.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Chi phí giám định tổng cộng là 2.580.000 đồng, bà Nguyễn Thị V phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn bà V phải chịu tiền án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Qua phân tích như trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là phù hợp quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, buộc bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn T về trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị V trả nợ.

3. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị V phải chịu là 2.580.000 đồng, số tiền bà V nộp được hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu là 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.375.000 đồng theo biên lai thu số 0003883 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai